

CTCP VINHOMES (VHM) – CẬP NHẬT KQKD

Giá thị trường	Giá mục tiêu	Tỷ suất cổ tức	Khuyến nghị	Ngành
VND98.000	N/A	1,53%	N/A	Bất động sản

Ngày 12/05/2021

Triển vọng ngắn hạn: **Tích cực**
Triển vọng dài hạn: **Tích cực**
Định giá: **Tích cực**

Consensus*: Mua:14 Giữ:1 Bán:0

Giá mục tiêu/Consensus: 16,5%

Thay đổi trọng yếu trong báo cáo

➤ N/A

Diễn biến giá



Nguồn: VND RESEARCH

Thông tin cổ phiếu

Cao nhất 52 tuần (VND)	108.600
Thấp nhất 52 tuần (VND)	70.000
GTGDĐQ 3 tháng (tr VND)	326.205tr
Thị giá vốn (tỷ VND)	325.991
Free float (%)	18
P/E trượt (x)	12,2
P/B hiện tại (x)	3,5

Cơ cấu sở hữu

Vingroup JSC.	69,7%
Government of Singapore	5,8%
Viking Asia Holdings II Pte. Ltd.	5,5%
Khác	19,0%

Nguồn: VND RESEARCH

Chuyên viên phân tích:



Chu Đức Toàn

toan.chuduc@vndirect.com.vn

Chờ đợi sự bứt phá sau mùa thấp điểm

- Doanh thu Q1/21 của VHM đạt 12.986 tỷ đồng, tăng 99,2% svck trong khi LNR giảm 21,2% svck, hoàn thành 18,5% dự báo cả năm của chúng tôi.
- VHM đặt mục tiêu doanh số ký bán mới là 91.000 tỷ đồng (+44,9% svck) trong năm 2021.
- Kế hoạch trả cổ tức hấp dẫn với 15% tiền mặt và 30% bằng cổ phiếu.

KQKD Q1/2021: sự tương phản giữa tăng trưởng DT và LN ròng

- CTCP Vinhomes (VHM) ghi nhận doanh thu Q1/2021 đạt 12.986 tỷ đồng, tăng 99,2% svck. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này được thúc đẩy bởi doanh thu bàn giao BĐS tăng 75,2% svck lên 10.016 tỷ đồng, bao gồm 2.900 căn hộ bán lẻ tại Ocean Park, Grand Park và Smart City.
- Biên LN gộp Q1/2021 tăng 2,6 điểm % svck lên 47,8% do tỷ trọng bàn giao từ căn hộ thấp tầng cao hơn svck, chủ yếu từ dự án Grand Park.
- DT tài chính Q1/2021 giảm 73,1% svck xuống còn 2.307 tỷ đồng do lượng bàn giao từ các dự án hợp tác kinh doanh giảm (-77,4% svck) và mức cơ sở cao từ bán buôn tại Vinhomes Grand Park trong Q1/20.
- LNST Q1/2021 do đó giảm 21,2% svck xuống 5.396 tỷ đồng, hoàn thành 18,5% dự báo cả năm 2021 của chúng tôi.
- Lượng ký bán mới của VHM trong Q1/21 là 1.592 căn (-67,0% svck), tương đương giá trị ký bán mới là 6,0 nghìn tỷ đồng (-6,3% svck).

Mục tiêu tham vọng cho HĐ ký bán mới và tăng trưởng LN trong 2021

- VHM đặt mục tiêu 91.000 tỷ đồng về giá trị ký bán mới (+44,9% svck) và 37.000 căn về lượng ký bán (+34,2% svck) cho năm 2021, trong đó bán lẻ từ các đại dự án hiện tại sẽ đóng góp 60% và bán buôn là 40%.
- Theo quan điểm của chúng tôi, mùa cao điểm đối với hoạt động ký bán mới dự kiến sẽ rơi vào Q3/2021 với sự mở bán của ba dự án mới gồm Vinhomes Cổ Loa, Vinhomes Dream City và Vinhomes Wonder Park.
- Ban lãnh đạo của VHM trình ĐHCĐ mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận ròng năm 2021 là 15%, cao hơn mức tăng trưởng 5% trong dự phóng của chúng tôi. Chúng tôi sẽ đánh giá kỹ hơn khi có thông tin chi tiết.

Chúng tôi nhận thấy giá NVL xây dựng tăng mạnh trong năm 2021

VHM đã ký các hợp đồng dài hạn về giá nguyên vật liệu, điều này sẽ giúp kết quả kinh doanh năm 2021 của công ty không bị ảnh hưởng bởi sự tăng mạnh của giá vật liệu xây dựng. VHM cho biết thép hiện chiếm khoảng 5% tổng chi phí xây dựng của công ty, vì vậy biên LN gộp của công ty có thể giảm nhẹ 1-2 điểm % nếu giá thép vẫn ở mức cao như hiện nay trong hai năm tới.

VHM dự kiến chia cổ tức kỷ lục 45% bằng tiền mặt và cổ phiếu

VHM đã đưa ra phương án chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu. Cụ thể, tỷ lệ trả cổ tức bằng cổ phiếu là 30% trên vốn điều lệ, tương ứng với tổng số 987 triệu cổ phiếu phát hành thêm. Cổ tức tiền mặt là 15% trên mệnh giá, tương đương 4.934 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong Q3/21 hoặc Q4/21. Đây là mức chi trả cổ tức cao nhất của VHM trong nhiều năm trở lại đây.

Hình 1: Tóm tắt KQKD Q1/2021

	Q1/2021	Q1/2020	% svck	Dự phóng 2021	% dự phóng 2021	Nhận xét
Doanh thu thuần	12.986	6.519	99,2%	83.246	15,6%	
Chuyển nhượng BĐS	10.016	5.717	75,2%	76.755	13,0%	Đóng góp chủ yếu từ việc bàn giao 2.900 căn hộ từ Vinhomes Ocean Park (6.100 tỷ đồng), Grand Park (1.500 tỷ đồng) và Smart City (1.300 tỷ đồng) và ghi nhận giao dịch bán buôn 2.900 tỷ đồng với một chủ đầu tư trong nước trong Q1/2021.
Cho thuê	354	278	27,3%	1.376	25,7%	
Dịch vụ xây dựng	1.826	49	3619,3%			Tăng mạnh do VHM ký hợp đồng quản lý xây dựng cho hai giao dịch bán buôn ở dự án Vinhomes Grand Park với biên LN là 16% trong quý 1/2021.
Dịch vụ quản lý BĐS	478	366	30,4%	1.840	26,0%	
Khác	313	109	188,3%	3.275		
LN gộp	6.212	2.949	110,7%	32.891	18,9%	
Biên LN gộp	47,8%	45,2%	+2,6 điểm %	39,5%	+8,3 điểm %	Cao hơn kỳ vọng do bàn giao khu thấp tầng ở Vinhomes Grand Park trong Q1/2021 với biên LN gộp cao hơn.
Chi phí bán hàng	(457)	(245)	86,6%	(3.465)	13,2%	
Chi phí QLDN	(668)	(533)	25,3%	(2.308)	28,9%	
% Chi phí QL&BH trên i	8,7%	11,9%	-3,3 điểm %	6,9%	+1,7 điểm %	
Doanh thu tài chính	2.307	8.591	-73,1%	14.038	16,4%	
Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)	93	411	-77,4%			Đóng góp bởi Vinhomes Star City (60 tỷ đồng) và Vinhomes Imperia (33 tỷ đồng). Giảm mạnh do các dự án hợp tác kinh doanh hầu hết đã hoàn thành quá trình bàn giao.
Thu nhập tài chính khác	2.214	8.180	-72,9%			Q1/2020 ghi nhận doanh thu bán buôn lớn tại Vinhomes Grand Park.
Chi phí tài chính	(361)	(634)	-43,1%	(3.558)	10,1%	
LNTT	7.085	10.124	-30,0%	37.598	18,8%	
LNST	5.478	7.645	-28,3%	30.078	18,2%	
LNST công ty mẹ	5.396	6.844	-21,2%	29.133	18,5%	

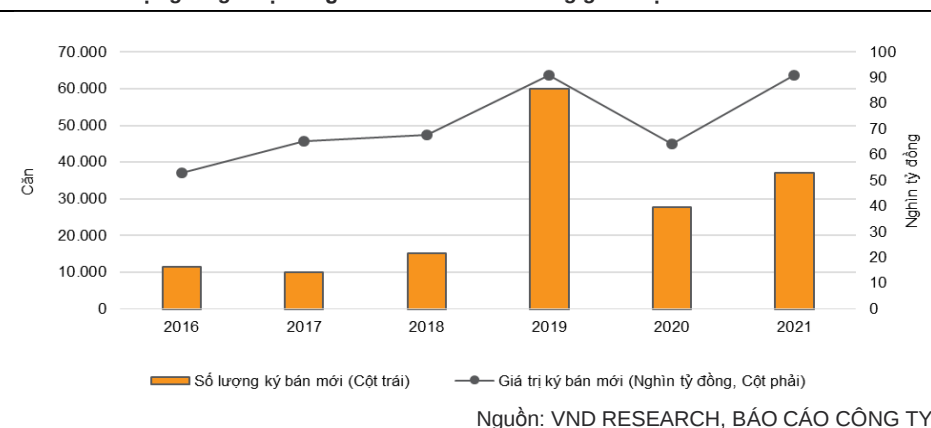
Nguồn: VNDIRECT RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Hình 2: Cập nhật về tiến độ của các dự án đang phát triển đáng chú ý

Tên dự án	Địa điểm	Quy mô đất (ha)	Loại hình	Diện tích sàn KD (nghìn m2)	Số lượng*	Tổng giá trị phát triển ước tính (tỷ đồng)	Tình trạng của dự án
Vinhomes Wonder Park	Đan Phượng, Hà Nội	133	Cao tầng	219	3.650	6.097	Dự kiến mở bán vào Q3/2021.
Vinhomes Dream City (Ocean Park 2)	Văn Giang, Hưng Yên	460	Thấp tầng	891	2.546	16.537	
Vinhomes Vũ Yên	Hải Phòng	873	Cao tầng	8.748	124.971	202.954	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, khởi công vào Q4/2021.
Vinhomes Cổ Loa	Đông Anh, Hà Nội	385	Thấp tầng	1.021	2.041	26.046	Có khả năng nhận được sự chấp thuận của Chính phủ vào cuối năm nay và dự kiến ra mắt vào năm 2022.
Vinhomes Green Hạ Long	Quảng Ninh	4110	Cao tầng	1.297	3.243	24.072	Dự kiến mở bán vào Q4/2021.
Vinhomes Long Beach	Cần Giờ, TP.HCM	2870	Thấp tầng	2.660	8.867	49.370	Kỳ vọng nhận được sự chấp thuận của Chính phủ vào cuối năm nay và dự kiến ra mắt vào năm 2022.
			Cao tầng	29.558	73.895	1.292.405	Đang trong quá trình cải tạo đất, dự kiến sẽ hoàn thành trong khoảng hai năm kể từ 2021.
			Cao tầng	117	1.560	2.443	
			Thấp tầng	14.445	48.150	637.072	
			Cao tầng	1.173	15.640	24.492	

Nguồn: VHM, VNDIRECT RESEARCH

Hình 3: Số lượng và giá trị bàn giao BĐS của VHM trong giai đoạn 2016-2021



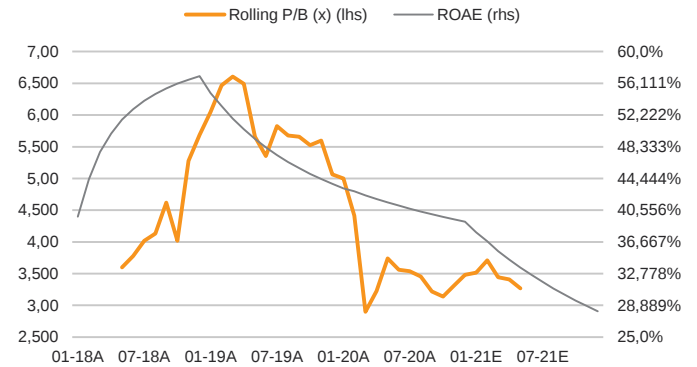
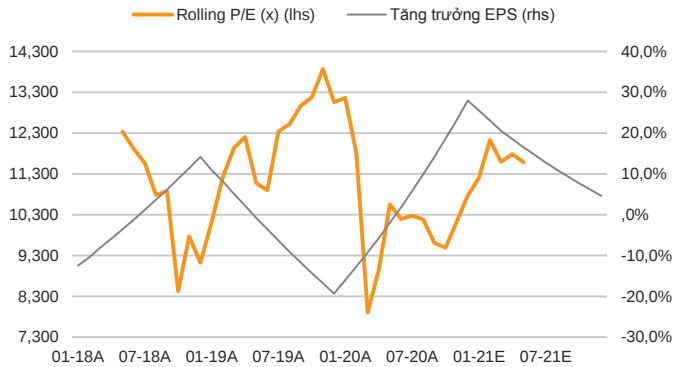
Nguồn: VND RESEARCH, BÁO CÁO CÔNG TY

Hình 4: So sánh các doanh nghiệp cùng ngành (Dữ liệu tại ngày 12/05/2021)

		phiếu (đv bản địa)	Vốn hóa (triệu USD)	CARG EPS 3 năm (%)	P/E (x)		P/B (x)		ROE (%)		Tỷ suất cổ tức (%)		Tỷ lệ nợ ròng/vốn
Tên công ty	Mã				2020F	2021F	2020F	2021F	2020F	2021F	2020F	2021F	CSH
Vinhomes	VHM VN	98.000	13.986	44,7	11,3	6,6	2,7	1,9	28,2	34,3	1,5	1,5	27,8
Trung bình trong nước				36,2	18,5	11,0	2,5	2,1	14,7	20,0	1,1	1,1	59,7
Trung vị trong nước				33,7	17,9	9,6	2,0	1,7	14,7	20,1	0,9	0,9	50,8
Trung bình khu vực				47,3	15,2	12,5	0,9	0,9	8,1	8,5	3,6	4,1	57,8
Trung vị khu vực				15,6	15,0	12,6	0,8	0,8	6,4	6,4	3,4	3,9	53,5
Việt Nam													
Novaland	NVL VN	128.500	5.991	51,4	31,0	18,9	4,2	3,5	14,7	20,1	0,0	0,0	114,7
Khang Điền	KDH VN	36.800	892	23,6	18,5	10,7	2,4	2,0	14,7	21,4	1,7	1,7	22,6
Đất Xanh	DXG VN	24.100	542	N/A	17,4	8,5	1,6	1,4	10,7	18,5	0,0	0,0	65,1
Nam Long	NLG VN	38.500,0	476	33,7	7,3	5,7	1,7	1,4	18,5	20,1	2,5	2,5	36,6
Trung Quốc và Hồng Kông													
China Vanke-A	000002 CH	N/A	48.247	7,7	7,1	6,5	1,2	1,1	17,5	16,7	4,8	5,2	28,5
Sun Hung Kai	16 HK	101,4	43.983	15,7	11,0	10,4	0,6	0,6	5,3	5,4	4,3	4,4	13,6
China Overseas Land	688 HK	23,9	26.743	4,2	4,2	3,8	0,5	0,5	12,8	12,7	7,4	8,1	30,6
China Resources Land	1109 HK	31,9	34.058	7,3	8,0	7,0	1,0	0,9	13,0	13,5	4,5	5,1	29,7
China Evergrande	3333 HK	15,9	21.448	17,0	5,7	5,3	0,8	0,7	11,0	10,9	3,7	4,5	159,8
Country Garden	2007 HK	9,7	26.340	4,7	4,3	3,8	0,8	0,7	18,9	19,2	6,8	7,6	59,7
Indonesia													
Pakuwon Jati	PWON IJ	600	1.765	26,9	14,3	12,6	1,5	1,3	10,5	10,4	0,7	0,9	6,0
Bumi Serpong Damai	BSDE IJ	1.320	1.776	43,7	17,7	14,7	0,7	0,7	4,7	5,2	0,3	0,5	5,6
Ciputra Development	CTRA IJ	1.052	1.524	15,6	18,3	18,7	1,3	1,2	7,2	6,4	0,8	0,8	26,3
Summarecon Agung	SMRA IJ	1.145,0	946	74,6	43,3	28,8	1,8	1,7	3,8	5,2	0,3	0,5	85,9
Malaysia													
KLCCP Stapled	KLCCSS MK	7,6	2.981	N/A	18,7	17,6	0,9	0,9	5,2	5,4	5,0	5,4	9,8
SP Setia	SPSB MK	1,3	1.054	N/A	15,8	11,3	0,3	0,3	2,1	3,1	1,4	2,5	68,8
Sime Darby Property	SDPR MK	0,8	1.073	N/A	16,3	13,3	0,5	0,5	2,8	3,0	1,8	2,6	28,1
Singapore													
CapitaLand	CAPL SP	3,3	14.051	N/A	18,1	14,3	0,8	0,8	5,7	6,4	3,0	3,3	68,1
Keppel Corp	KEP SP	5,6	7.291	N/A	13,7	11,3	0,9	0,8	6,4	7,3	3,3	3,9	89,5
City Developments	CIT SP	9,3	5.186	N/A	20,2	13,2	0,8	0,7	3,8	5,8	1,9	2,3	93,7
UOL Group	UOL SP	7,0	4.700	476,4	18,0	15,4	0,6	0,6	3,2	3,5	2,3	2,4	29,5
Frasers Property	FPL SP	1,7	3.545	14,2	15,0	15,4	0,4	0,4	3,7	3,3	2,8	3,3	110,6
Ascott Residence	ART SP	1,2	2.446	44,0	34,0	22,2	0,9	0,9	2,2	3,4	4,1	5,6	47,6
Thái Lan													
Land And Houses	LH TB	8,5	3.027	13,2	12,8	11,7	1,8	1,8	14,5	15,6	6,8	7,3	110,6
WHA Corporation	WHA TB	4,3	1.563	19,3	16,1	14,0	1,6	1,5	9,9	10,9	3,4	3,8	117,6
Pruksa Holding	PSH TB	13,9	891	10,0	9,8	8,4	0,6	0,6	6,5	7,3	7,1	8,2	55,5
Supalai	SPALI TB	16,3	1.262	9,3	7,2	6,8	1,0	1,0	14,9	14,4	5,6	6,0	53,5

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Định giá



Báo cáo KQ HKKD

(tỷ VND)	12-20A	12-21E	12-22E
Doanh thu thuần	70.890	83.246	145.294
Giá vốn hàng bán	(45.104)	(50.355)	(74.069)
Chi phí quản lý DN	(2.373)	(2.308)	(2.879)
Chi phí bán hàng	(2.705)	(3.465)	(5.631)
LN hoạt động thuần	20.709	27.118	62.715
EBITDA thuần	21.292	28.081	64.124
Chi phí khấu hao	(583)	(963)	(1.408)
LN HĐ trước thuế & lãi vay	20.709	27.118	62.715
Thu nhập lãi	20.718	14.038	5.276
Chi phí tài chính	(3.702)	(3.558)	(3.081)
Thu nhập ròng khác	(678)	0	0
TN từ các Cty LK & LD	0	0	0
LN trước thuế	37.047	37.598	64.910
Thuế	(8.280)	(7.520)	(12.982)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(928)	(945)	(1.957)
LN ròng	27.839	29.133	49.971
Thu nhập trên vốn	27.839	29.133	49.971
Cổ tức phổ thông			
LN giữ lại	27.839	29.133	49.971

Bảng cân đối kế toán

(tỷ VND)	12-20A	12-21E	12-22E
Tiền và tương đương tiền	12.479	28.179	19.206
Đầu tư ngắn hạn	3.295	3.799	4.179
Các khoản phải thu ngắn hạn	34.024	38.000	49.307
Hàng tồn kho	43.227	53.929	75.391
Các tài sản ngắn hạn khác	8.985	15.518	19.813
Tổng tài sản ngắn hạn	102.010	139.425	167.896
Tài sản cố định	38.249	60.917	76.027
Tổng đầu tư	9.737	9.737	3.913
Tài sản dài hạn khác	64.941	72.548	120.061
Tổng tài sản	214.937	282.626	367.897
Vay & nợ ngắn hạn	10.998	8.209	9.328
Phải trả người bán	10.860	12.124	17.834
Nợ ngắn hạn khác	79.450	93.964	121.234
Tổng nợ ngắn hạn	101.309	114.297	148.396
Vay & nợ dài hạn	13.958	32.700	31.581
Các khoản phải trả khác	9.986	10.315	10.678
Vốn điều lệ và	33.495	33.495	33.495
LN giữ lại	56.509	85.642	135.613
Vốn chủ sở hữu	86.148	120.831	170.802
Lợi ích cổ đông thiểu số	3.538	4.483	6.440
Tổng nợ và vốn chủ sở hữu	214.937	282.626	367.897

Báo cáo LCTT

(tỷ VND)	12-20A	12-21E	12-22E
LN trước thuế	37.047	37.598	64.910
Khấu hao	583	963	1.408
Thuế đã nộp	(6.273)	(7.520)	(12.982)
Các khoản điều chỉnh khác	(19.994)	(14.029)	(5.258)
Thay đổi VLĐ	10.910	(12.937)	(43.694)
LC tiền thuần HKKD	22.273	4.076	4.385
Đầu tư TSCĐ	(1.525)	(23.414)	(24.079)
Thu từ TL, nhượng bán TSCĐ	182	0	0
Các khoản khác	(19.828)	13.535	10.721
Thay đổi tài sản dài hạn khác	0	0	0
LC tiền từ HĐĐT	(21.171)	(9.879)	(13.358)
Thu từ PH CP, nhận góp VCSH	22	0	0
Trả vốn góp CSH, mua CP quỹ	(843)	5.550	0
Tiền vay ròng nhận được	(976)	15.953	0
Dòng tiền từ HĐTC khác	0	0	0
Cổ tức, LN đã trả cho CSH	(158)	0	0
LC tiền thuần HĐTC	(1.955)	21.503	0
Tiền & tương đương tiền đầu kì	13.332	12.479	28.179
LC tiền thuần trong năm	(853)	15.699	(8.973)
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12.479	28.179	19.206

Các chỉ số cơ bản

	12-20A	12-21E	12-22E
Dupont			
Biên LN ròng	39,3%	35,0%	34,4%
Vòng quay TS	0,34	0,33	0,45
ROAA	13,5%	11,7%	15,4%
Đòn bẩy tài chính	2,90	2,40	2,23
ROAE	39,1%	28,2%	34,3%
Hiệu quả			
Số ngày phải thu	54,9	42,4	27,2
Số ngày nắm giữ HTK	350,8	390,9	371,5
Số ngày phải trả tiền bán	88,1	87,9	87,9
Vòng quay TSCĐ	2,11	1,68	2,12
ROIC	24,3%	17,5%	22,9%
Thanh khoản			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,0	1,2	1,1
Khả năng thanh toán nhanh	0,6	0,7	0,6
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,2	0,3	0,2
Vòng quay tiền	317,5	345,5	310,8
Chỉ số tăng trưởng (yoy)			
Tăng trưởng DT thuần	37,3%	17,4%	74,5%
Tăng trưởng LN từ HKKD	(10,8%)	31,0%	131,3%
Tăng trưởng LN ròng	28,0%	4,6%	71,5%
Tăng trưởng EPS	28,0%	4,6%	71,5%

Nguồn: VND RESEARCH

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ CỦA VNDIRECT

Khuyến nghị cổ phiếu

KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -10% đến 15%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -10%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Khuyến nghị ngành

TÍCH CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tích cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG TÍNH	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị trung bình, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TIÊU CỰC	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị tiêu cực, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Trần Khánh Hiền - Giám đốc Phân tích

Email: hien.trankhanh@vndirect.com.vn

Chu Đức Toàn – Chuyên viên Phân tích cao cấp

Email: toan.chuduc@vndirect.com.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

Điện thoại: +84 2439724568

Email: research@vndirect.com.vn

Website: <https://vndirect.com.vn>